

# NGÂN HÀNG NÊN TẬP TRUNG HÓA HAY ĐA DẠNG HÓA CHO VAY: THỰC TIỄN TỪ CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

● TRẦN CHÍ CHINH

## TÓM TẮT:

Bài viết lược khảo lý thuyết và thực tiễn liên quan đến tập trung hóa/đa dạng hóa danh mục cho vay tại các ngân hàng (NH) từ các quốc gia trên thế giới, qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho các NH Việt Nam liên quan đến các điều kiện để NH có thể đa dạng hóa danh mục cho vay hiệu quả. Để thực hiện được mục tiêu này, bài viết sử dụng phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê mô tả và phương pháp chuyên gia.

**Từ khóa:** Tập trung hóa cho vay, đa dạng hóa cho vay, danh mục cho vay.

## 1. Đặt vấn đề

Định hướng chung trong chiến lược cho vay được thể hiện trong báo cáo thường niên của một số NH Việt Nam trong thời gian gần đây cho thấy, bên cạnh một số NH tập trung cho vay đối với những ngành có rủi ro nội tại thấp - cho vay bán lẻ; cũng có nhiều NH hướng tới việc đa dạng hóa danh mục cho vay. Tuy nhiên, vấn đề được đặt ra, đó là đa dạng hóa danh mục cho vay có thật sự đem lại hiệu quả và/hoặc giảm thiểu rủi ro tín dụng (RRTD) cho các NH Việt Nam hay không? Đây là vấn đề cần phải được quan tâm xem xét bởi các nhà quản trị của các NH Việt Nam.

Các nghiên cứu liên quan đến chủ đề tập trung hóa hoặc đa dạng hóa danh mục cho vay, đã được nhiều tác giả đề cập. Về mặt lý thuyết, Diamond (1984), Cerasi và Daltung (2000), Iscoe và ctg (2012) tranh luận rằng, đa dạng hóa danh mục cho vay có thể giúp các NH gia tăng được hiệu quả

hoặc giảm thiểu được RRTD. Tuy nhiên, về mặt thực tiễn, trong khi kết quả nghiên cứu được thực hiện bởi Rossi và ctg (2009) đối với 96 NH lớn của Úc trong giai đoạn 1997 - 2003 cho thấy, đa dạng hóa có thể giúp NH gia tăng được hiệu quả lợi nhuận và giảm thiểu được RRTD. Kết quả nghiên cứu được thực hiện bởi Acharya và ctg (2006) đối với 105 NH, trong đó có 8 NH rất lớn, 7 NH lớn, 15 NH trung bình và 75 NH nhỏ tại Ý trong giai đoạn 1993 - 1999; bởi Mercieca và ctg (2007) đối với 755 NH nhỏ tại 15 quốc gia tại châu Âu trong giai đoạn 1997 - 2003; bởi Tabak và ctg (2011) đối với 96 NH của Braxin trong giai đoạn 2003 - 2009 lại cho thấy, đa dạng hóa danh mục cho vay làm giảm hiệu quả hoặc làm tăng thêm RRTD cho NH.

Như vậy, mặc dù đã có nhiều nghiên cứu đề cập đến chủ đề tập trung hóa hoặc đa dạng hóa danh mục cho vay - trên cả phương diện lý thuyết lẫn thực tiễn. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu được đưa

ra bởi các tác giả này, đã cho thấy có hai luồng quan điểm trái ngược nhau - quan điểm thứ nhất cho rằng, đa dạng hóa danh mục cho vay có thể giúp NH gia tăng hiệu quả và/hoặc giảm thiểu RRTD; quan điểm thứ hai cho rằng, đa dạng hóa danh mục cho vay có thể làm giảm hiệu quả hoặc làm tăng thêm RRTD cho NH. Ngoài ra, các nghiên cứu này cũng chưa đi sâu vào việc phân tích về các điều kiện NH cần phải đáp ứng để có thể đa dạng hóa danh mục cho vay hiệu quả. Vì vậy, mục tiêu bài viết này, đó là lược khảo lý thuyết và thực tiễn có liên quan đến tập trung hóa hoặc đa dạng hóa danh mục cho vay, đúc kết các điều kiện để NH có thể đa dạng hóa danh mục cho vay hiệu quả, qua đó cung cấp thêm cơ sở khoa học để các NH Việt Nam có thể trả lời được câu hỏi, đó là NH nên tập trung hóa hay đa dạng hóa danh mục cho vay?

**2. Các lý thuyết nền tảng và các nghiên cứu trước có liên quan đến tập trung hóa/đa dạng hóa danh mục cho vay của NH**

**2.1. Lý thuyết thông tin bất cân xứng và các nghiên cứu liên quan**

Lý thuyết thông tin bất cân xứng được Akerlof (1970) đưa ra nhằm giải thích mối liên hệ giữa chất lượng và sự không chắc chắn, dưới tác động của việc bất cân xứng về thông tin trong các thị trường. Tác giả cho rằng, khi tham gia vào thị trường, người bán và người mua thường không nắm giữ được thông tin ngang nhau về chất lượng hàng hóa cần giao dịch, vấn đề này được tác giả gọi là "thông tin bất cân xứng". Sự tồn tại của vấn đề thông tin bất cân xứng, sẽ dẫn đến lựa chọn đối nghịch hoặc rủi ro đạo đức.

Để cập đến vấn đề thông tin bất cân xứng trong hoạt động cho vay, Leland và Pyle (1977) cho rằng, trong các thị trường cho vay, sự hiện diện của vấn đề thông tin bất cân xứng thì đặc biệt rõ rệt. So với NH, thường thì người vay biết rõ hơn về những đặc tính của mình, cũng như thông tin nội bộ liên quan đến phương án/dự án mà mình tìm kiếm sự tài trợ. NH sẽ có được lợi ích từ sự hiểu biết chính xác về đặc tính của người vay và thông tin về dự án của họ. Tuy nhiên, vấn đề thông tin bất cân xứng luôn tồn tại giữa NH và người vay. Thông tin bất cân xứng sẽ dẫn đến chất lượng trung bình của các khoản vay và quy mô thị trường có khuynh hướng bị giảm sút. Stiglitz và Weiss (1981) tranh luận rằng, việc quyết định thực hiện các khoản vay của

NH, thường phụ thuộc vào lãi suất họ nhận được và khả năng gây ra rủi ro của khoản vay. Tuy nhiên, rất khó để phân biệt giữa những người vay, đâu là "người vay tốt". Do vậy, lãi suất được NH áp dụng đối với khoản vay, nó có thể được tính toán từ khả năng gây ra rủi ro của tập hợp các khoản vay. Điều này là bởi sự bất cân xứng thông tin trong thị trường cho vay; và hậu quả của chúng, đó là việc hạn chế cho vay và làm mất cân bằng tín dụng trong ngắn hạn đối với thị trường.

Hậu quả của vấn đề thông tin bất cân xứng giữa NH và người vay, đó là sự lựa chọn bất lợi hoặc rủi ro đạo đức, đây là một trong những nguyên nhân chính gây nên RRTD cho NH. Do vậy, để giảm thiểu RRTD trong hoạt động cho vay, các NH cần phải hạn chế được vấn đề thông tin bất cân xứng. Tuy nhiên, NH chỉ có thể thực hiện được điều này, khi và chỉ khi họ có được đối ngũ nguồn nhân lực giỏi, hạ tầng cơ sở và các công cụ quản trị RRTD hiện đại và phù hợp với thực tế hoạt động cho vay của NH.

**2.2. Lý thuyết danh mục hiện đại và các nghiên cứu liên quan**

Lý thuyết danh mục hiện đại được Markowitz (1952) đưa ra nhằm lý giải về nguyên tắc đánh đổi giữa rủi ro và lợi nhuận trong các quyết định đầu tư. Ngoài ra, tác giả cũng cho thấy, với nguyên tắc đánh đổi giữa rủi ro và lợi nhuận, các danh mục có hiệu quả thường được đa dạng hóa. Điều này là bởi đa dạng hóa giúp nhà đầu tư giảm thiểu được tác động bất lợi đồng thời của các khoản đầu tư trong danh mục. Tuy nhiên, tác giả cũng cho rằng việc đánh đổi giữa rủi ro và lợi nhuận không chỉ phụ thuộc vào việc đa dạng hóa, chúng còn liên quan đến "kiểu phù hợp" của đa dạng hóa

Để cập đến tác động của tập trung hóa hoặc đa dạng hóa danh mục cho vay đến hiệu quả và RRTD của NH; trong khi một số tác giả cho rằng, đa dạng hóa danh mục cho vay có thể giúp NH gia tăng được hiệu quả hoặc giảm thiểu được RRTD, bởi đa dạng hóa giúp giảm chi phí trung gian tài chính do NH có lợi thế về thông tin [4]; bởi đa dạng hóa giúp tăng động cơ giám sát, danh mục cho vay tiến gần đến danh mục thị trường [3]; bởi đa dạng hóa giúp NH giảm được rủi ro phi hệ thống. Tuy nhiên, chỉ mỗi đa dạng hóa không bảo đảm cho việc giảm rủi ro về nợ, bởi lý do quan trọng liên quan đến chuyên môn trong việc đánh giá người

vay [9]; bởi đa dạng hóa cung cấp cơ hội làm nhẹ RRTD [5]. Ngược lại với kết quả và quan điểm ở trên, một số tác giả cung cấp bằng chứng thực tiễn cho thấy, đa dạng hóa danh mục cho vay không bảo đảm có được thành quả tốt hơn hoặc sự an toàn cao hơn, thậm chí đa dạng hóa danh mục cho vay còn gây ra những tổn hại đối với NH. Lý giải cho kết quả này, đó là bởi sự thiếu chuyên môn hoặc thiếu khả năng giám sát người vay của NH [1, 8]; bởi sự thiếu hiểu biết về điều kiện tài chính và kinh tế đối với những khu vực được NH đa dạng hóa [11].

Thành phần của RRTD trong danh mục cho vay bao gồm rủi ro giao dịch và rủi ro danh mục. Trong đó, rủi ro giao dịch là RRTD liên quan đến từng khoản vay/người vay riêng biệt - chúng bị gây ra bởi rủi ro lựa chọn, rủi ro bảo đảm và rủi ro nghiệp vụ. Còn với rủi ro danh mục, chúng là RRTD tổng thể của tất cả các khoản vay hiện đang tồn tại trong danh mục cho vay của NH - chúng bị gây ra bởi rủi ro nội tại và rủi ro tập trung. Để giảm thiểu RRTD trong hoạt động cho vay, NH cần giảm thiểu được cả rủi ro giao dịch lẫn rủi ro danh mục, đặc biệt là rủi ro tập trung. Về lý thuyết, đa dạng hóa có thể giúp NH giảm thiểu được RRTD của danh mục cho vay. Bởi đa dạng hóa giúp NH hạn chế được tác động bất lợi đồng thời bởi sự tương quan về RRTD giữa các khoản vay trong danh mục. Tuy nhiên, trong thực tiễn hoạt động cho vay, để khởi tạo và giám sát khoản vay, ngoài việc phải có quỹ cho vay; đòi hỏi NH phải có các chuyên gia, công cụ, hạ tầng cơ sở thích hợp để đánh giá RRTD đối với từng loại người vay, từng ngành, từng khu vực địa lý riêng biệt - các điều kiện cần và đủ để khởi tạo, giám sát khoản vay hiệu quả. Khi chưa đáp ứng được đầy đủ các điều kiện này, việc mở rộng cho vay đối với những loại người vay mới, ngành mới hoặc khu vực địa lý mới, có thể làm giảm hiệu quả và làm tăng thêm RRTD đối với NH. Ngược lại, sự tập trung hóa danh mục cho vay, mặc dù NH có thể phải đối mặt với rủi ro tập trung. Tuy nhiên, trong trường hợp bị hạn chế về nguồn lực, để giảm thiểu RRTD đối với danh mục cho vay, thay vì áp dụng chiến lược đa dạng hóa, chiến lược tập trung hóa cho vay đôi khi có thể là chiến lược thích hợp hơn đối với NH. Vì vậy, để đạt được mục tiêu trong hoạt động cho vay nói chung

và mục tiêu quản trị RRTD nói riêng, các NH Việt Nam nên áp dụng chiến lược tập trung hóa hay đa dạng hóa cho vay, sẽ tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng NH.

### **3. Thực trạng đa dạng hóa danh mục cho vay và tỷ lệ nợ xấu của hệ thống NH Việt Nam**

#### **3.1. Thực tế đa dạng hóa danh mục cho vay và những khó khăn khi thực hiện chiến lược đa dạng hóa cho vay tại một số NH Việt Nam**

Để thấy được thực tế việc đa dạng hóa danh mục cho vay và những khó khăn khi thực hiện chiến lược đa dạng hóa cho vay tại một số NH Việt Nam, tác giả bài viết đã tiến hành phỏng vấn sâu các chuyên gia là giám đốc, phó giám đốc các chi nhánh NH hoặc giám đốc, phó giám đốc khối thẩm định khu vực của 11 NH Việt Nam. Tổng hợp ý kiến từ các chuyên gia này cho thấy:

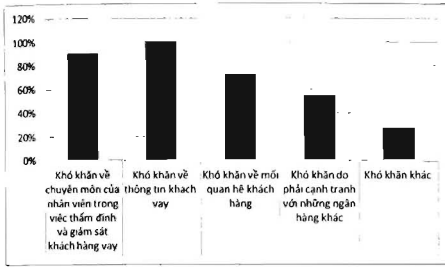
Về thực tế đa dạng hóa danh mục cho vay, hầu hết các chuyên gia khi trả lời phỏng vấn đều cho rằng, những năm gần đây xu hướng chung của các NH đều hướng đến việc đa dạng hóa danh mục cho vay. Điều này được thể hiện, đó là định kỳ hoặc đột xuất hội sở đều có văn bản chỉ đạo cho các chi nhánh để định hướng cho vay đối với một số ngành nghề, lĩnh vực cần mở rộng cho vay. Ngoài ra, việc đa dạng hóa danh mục cho vay còn được thể hiện, đó là NH đưa ra giới hạn/hạn mức RRTD đối với một số sản phẩm cho vay, ngành nghề hoặc khu vực địa lý - hạn chế cho vay đối với một số lĩnh vực này cũng tác động đến mức độ đa dạng hóa danh mục cho vay của NH.

Về các khó khăn NH gặp phải khi thực hiện chiến lược đa dạng hóa cho vay, phần lớn các chuyên gia khi trả lời phỏng vấn đều cho rằng, khó khăn lớn nhất đó là về thông tin khách hàng vay, thứ hai đó là khó khăn về chuyên môn của nhân viên trong việc thẩm định và giám sát người vay. Ngoài ra, các chuyên gia là các giám đốc hoặc phó giám đốc của các NH có quy mô nhỏ và vừa còn có thêm khó khăn, đó là về mối quan hệ khách hàng và sự cạnh tranh với các NH khác. Cụ thể về các khó khăn NH gặp phải khi thực hiện chiến lược đa dạng hóa cho vay được thể hiện ở Hình 1.

#### **3.2. Mối quan hệ giữa đa dạng hóa cho vay và tỷ lệ nợ xấu của hệ thống NH Việt Nam**

Trong giai đoạn 2013 - 2017, cơ cấu dư nợ cho vay theo ngành kinh tế của hệ thống NH Việt Nam chủ yếu tập trung vào 3 nhóm ngành: Công

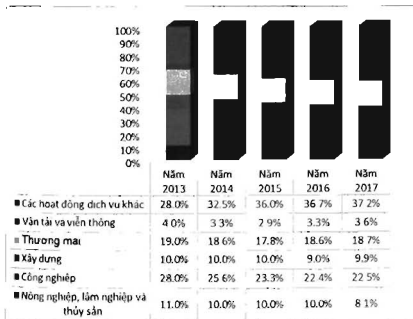
Hình 1: Các khó khăn của NH khi thực hiện chiến lược đa dạng hóa cho vay



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ phỏng vấn các chuyên gia

nghiệp, thương mại và các hoạt động dịch vụ khác. Tuy nhiên, khi phân tích sự thay đổi về tỷ trọng của những ngành này trong tổng dư nợ cho vay giai đoạn 2013 - 2017 cho thấy, sự dịch chuyển cơ cấu dư nợ cho vay theo ngành kinh tế của hệ thống NH Việt Nam theo hướng an toàn hơn, được thể hiện bởi việc giảm tỷ trọng những ngành có rủi ro nội tại cao và gia tăng tỷ trọng những ngành có rủi ro nội tại thấp, đó là nhóm ngành thuộc các hoạt động dịch vụ khác.

Hình 2: Cơ cấu dư nợ cho vay theo ngành kinh tế của hệ thống NH Việt Nam giai đoạn 2013 - 2017



Nguồn: Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia (2016 & 2017)

Xem xét mối quan hệ giữa đa dạng hóa cho vay - được thể hiện thông qua cơ cấu dư nợ cho vay theo ngành (xem Hình 2) và tỷ lệ nợ xấu của hệ thống NH Việt Nam (xem Bảng 1) giai đoạn 2013 - 2017 cho thấy, ngoại trừ năm 2014, với các năm còn lại, khi tỷ trọng dư nợ cho vay của hệ thống NH Việt Nam càng có sự tập trung cao vào nhóm ngành thuộc các hoạt động dịch vụ khác thì tỷ lệ nợ xấu càng giảm.

#### 4. Bài học kinh nghiệm cho các NH Việt Nam liên quan đến các điều kiện để đa dạng hóa danh mục cho vay

##### 4.1. Điều kiện về nguồn nhân lực

Bài học kinh nghiệm từ thực tiễn việc đa dạng hóa danh mục cho vay được rút ra từ các NH trên thế giới, cũng như từ kết quả phỏng vấn các chuyên gia đang làm việc tại các NH Việt Nam cho thấy, các NH tiến hành việc đa dạng hóa cho vay trong khi chưa chuẩn bị đầy đủ nguồn nhân lực để có thể đánh giá và giám sát tốt đối với những người vay, ngành, khu vực địa lý cần được đa dạng hóa. Hậu quả của điều này, đó là làm giảm hiệu quả và gia tăng RRTD cho NH khi đa dạng hóa danh mục cho vay.

Như vậy, để có thể đa dạng hóa cho vay hiệu quả, điều kiện đầu tiên, đó là NH phải có đội ngũ các chuyên gia không những phải có kiến thức chuyên môn sâu, mà còn phải có kỹ năng tốt trong việc đánh giá và giám sát người vay ở những lĩnh vực cần được đa dạng hóa. Nói cách khác, chiến lược nhân sự phải luôn đi trước chiến lược đa dạng hóa cho vay.

##### 4.2. Điều kiện về hạ tầng cơ sở

Một trong những khó khăn đối với NH khi đa dạng hóa cho vay, đó là thiếu thông tin về người vay, về ngành, về khu vực địa lý cần được mở rộng cho vay thông qua chiến lược đa dạng hóa. Để thực hiện

vay [9]; bởi đa dạng hóa cung cấp cơ hội làm nhẹ RRTD [5]. Ngược lại với kết quả và quan điểm ở trên, một số tác giả cung cấp bằng chứng thực tiễn cho thấy, đa dạng hóa danh mục cho vay không bảo đảm có được thành quả tốt hơn hoặc sự an toàn cao hơn, thậm chí đa dạng hóa danh mục cho vay còn gây ra những tổn hại đối với NH. Lý giải cho kết quả này, đó là bởi sự thiếu chuyên môn hoặc thiếu khả năng giám sát người vay của NH [1, 8]; bởi sự thiếu hiểu biết về điều kiện tài chính và kinh tế đối với những khu vực được NH đa dạng hóa [11].

Thành phần của RRTD trong danh mục cho vay bao gồm rủi ro giao dịch và rủi ro danh mục. Trong đó, rủi ro giao dịch là RRTD liên quan đến từng khoản vay/người vay riêng biệt - chúng bị gây ra bởi rủi ro lựa chọn, rủi ro bảo đảm và rủi ro nghiệp vụ. Còn với rủi ro danh mục, chúng là RRTD tổng thể của tất cả các khoản vay hiện đang tồn tại trong danh mục cho vay của NH - chúng bị gây ra bởi rủi ro nội tại và rủi ro tập trung. Để giảm thiểu RRTD trong hoạt động cho vay, NH cần giảm thiểu được cả rủi ro giao dịch lẫn rủi ro danh mục, đặc biệt là rủi ro tập trung. Về lý thuyết, đa dạng hóa có thể giúp NH giảm thiểu được RRTD của danh mục cho vay. Bởi đa dạng hóa giúp NH hạn chế được tác động bất lợi đồng thời bởi sự tương quan về RRTD giữa các khoản vay trong danh mục. Tuy nhiên, trong thực tiễn hoạt động cho vay, để khởi tạo và giám sát khoản vay, ngoài việc phải có quỹ cho vay; đòi hỏi NH phải có các chuyên gia, công cụ, hạ tầng cơ sở thích hợp để đánh giá RRTD đối với từng loại người vay, từng ngành, từng khu vực địa lý riêng biệt - các điều kiện cần và đủ để khởi tạo, giám sát khoản vay hiệu quả. Khi chưa đáp ứng được đầy đủ các điều kiện này, việc mở rộng cho vay đối với những loại người vay mới, ngành mới hoặc khu vực địa lý mới, có thể làm giảm hiệu quả và làm tăng thêm RRTD đối với NH. Ngược lại, sự tập trung hóa danh mục cho vay, mặc dù NH có thể phải đối mặt với rủi ro tập trung. Tuy nhiên, trong trường hợp bị hạn chế về nguồn lực, để giảm thiểu RRTD đối với danh mục cho vay, thay vì áp dụng chiến lược đa dạng hóa, chiến lược tập trung hóa cho vay đôi khi có thể là chiến lược thích hợp hơn đối với NH. Vì vậy, để đạt được mục tiêu trong hoạt động cho vay nói chung

và mục tiêu quản trị RRTD nói riêng, các NH Việt Nam nên áp dụng chiến lược tập trung hóa hay đa dạng hóa cho vay, sẽ tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng NH.

### **3. Thực trạng đa dạng hóa danh mục cho vay và tỷ lệ nợ xấu của hệ thống NH Việt Nam**

#### **3.1. Thực tế đa dạng hóa danh mục cho vay và những khó khăn khi thực hiện chiến lược đa dạng hóa cho vay tại một số NH Việt Nam**

Để thấy được thực tế việc đa dạng hóa danh mục cho vay và những khó khăn khi thực hiện chiến lược đa dạng hóa cho vay tại một số NH Việt Nam, tác giả bài viết đã tiến hành phỏng vấn sâu các chuyên gia là giám đốc, phó giám đốc các chi nhánh NH hoặc giám đốc, phó giám đốc khối thẩm định khu vực của 11 NH Việt Nam. Tổng hợp ý kiến từ các chuyên gia này cho thấy:

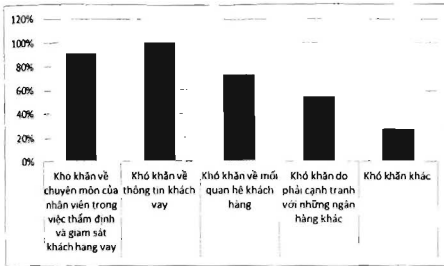
Về thực tế đa dạng hóa danh mục cho vay, hầu hết các chuyên gia khi trả lời phỏng vấn đều cho rằng, những năm gần đây xu hướng chung của các NH đều hướng đến việc đa dạng hóa danh mục cho vay. Điều này được thể hiện, đó là định kỳ hoặc đôi xuất hội sở đều có văn bản chỉ đạo cho các chi nhánh để định hướng cho vay đối với một số ngành nghề, lĩnh vực cần mở rộng cho vay. Ngoài ra, việc đa dạng hóa danh mục cho vay còn được thể hiện, đó là NH đưa ra giới hạn/hạn mức RRTD đối với một số sản phẩm cho vay, ngành nghề hoặc khu vực địa lý - hạn chế cho vay đối với một số lĩnh vực này cũng tác động đến mức độ đa dạng hóa danh mục cho vay của NH.

Về các khó khăn NH gặp phải khi thực hiện chiến lược đa dạng hóa cho vay, phần lớn các chuyên gia khi trả lời phỏng vấn đều cho rằng, khó khăn lớn nhất đó là về thông tin khách hàng vay, thứ hai đó là khó khăn về chuyên môn của nhân viên trong việc thẩm định và giám sát người vay. Ngoài ra, các chuyên gia là các giám đốc hoặc phó giám đốc của các NH có quy mô nhỏ và vừa còn có thêm khó khăn, đó là về mối quan hệ khách hàng và sự cạnh tranh với các NH khác. Cụ thể về các khó khăn NH gặp phải khi thực hiện chiến lược đa dạng hóa cho vay được thể hiện ở Hình 1.

#### **3.2. Mối quan hệ giữa đa dạng hóa cho vay và tỷ lệ nợ xấu của hệ thống NH Việt Nam**

Trong giai đoạn 2013 - 2017, cơ cấu dư nợ cho vay theo ngành kinh tế của hệ thống NH Việt Nam chủ yếu tập trung vào 3 nhóm ngành: Công

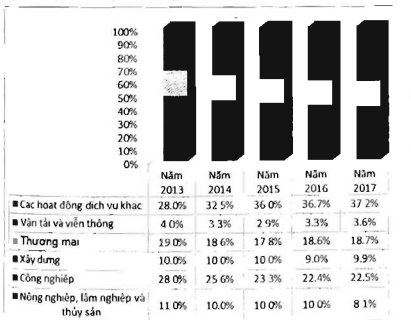
Hình 1: Các khó khăn của NH khi thực hiện chiến lược đa dạng hóa cho vay



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ phỏng vấn các chuyên gia

nghiệp, thương mại và các hoạt động dịch vụ khác. Tuy nhiên, khi phân tích sự thay đổi về tỷ trọng của những ngành này trong tổng dư nợ cho vay giai đoạn 2013 - 2017 cho thấy, sự dịch chuyển cơ cấu dư nợ cho vay theo ngành kinh tế của hệ thống NH Việt Nam theo hướng an toàn hơn, được thể hiện bởi việc giảm tỷ trọng những ngành có rủi ro nội tại cao và gia tăng tỷ trọng những ngành có rủi ro nội tại thấp, đó là nhóm ngành thuộc các hoạt động dịch vụ khác.

Hình 2: Cơ cấu dư nợ cho vay theo ngành kinh tế của hệ thống NH Việt Nam giai đoạn 2013 - 2017



Nguồn: Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia (2016 & 2017)

Xem xét mối quan hệ giữa đa dạng hóa cho vay - được thể hiện thông qua cơ cấu dư nợ cho vay theo ngành (xem Hình 2) và tỷ lệ nợ xấu của hệ thống NH Việt Nam (xem Bảng 1) giai đoạn 2013 - 2017 cho thấy, ngoại trừ năm 2014, với các năm còn lại, khi tỷ trọng dư nợ cho vay của hệ thống NH Việt Nam càng có sự tập trung cao vào nhóm ngành thuộc các hoạt động dịch vụ khác thì tỷ lệ nợ xấu càng giảm.

#### 4. Bài học kinh nghiệm cho các NH Việt Nam liên quan đến các điều kiện để đa dạng hóa danh mục cho vay

##### 4.1. Điều kiện về nguồn nhân lực

Bài học kinh nghiệm từ thực tiễn việc đa dạng hóa danh mục cho vay được rút ra từ các NH trên thế giới, cũng như từ kết quả phỏng vấn các chuyên gia đang làm việc tại các NH Việt Nam cho thấy, các NH tiến hành việc đa dạng hóa cho vay trong khi chưa chuẩn bị đầy đủ nguồn nhân lực để có thể đánh giá và giám sát tốt đối với những người vay, ngành, khu vực địa lý cần được đa dạng hóa. Hậu quả của điều này, đó là làm giảm hiệu quả và gia tăng RRTD cho NH khi đa dạng hóa danh mục cho vay.

Như vậy, để có thể đa dạng hóa cho vay hiệu quả, điều kiện đầu tiên, đó là NH phải có đội ngũ các chuyên gia không những phải có kiến thức chuyên môn sâu, mà còn phải có kỹ năng tốt trong việc đánh giá và giám sát người vay ở những lĩnh vực cần được đa dạng hóa. Nói cách khác, chiến lược nhân sự phải luôn đi trước chiến lược đa dạng hóa cho vay.

##### 4.2. Điều kiện về hạ tầng cơ sở

Một trong những khó khăn đối với NH khi đa dạng hóa cho vay, đó là thiếu thông tin về người vay, về ngành, về khu vực địa lý cần được mở rộng cho vay thông qua chiến lược đa dạng hóa. Để thực hiện

**Bảng 1. Tỷ lệ nợ xấu của hệ thống NH Việt Nam giai đoạn 2013 - 2017**

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Ước năm 2017
Tỷ lệ nợ xấu theo báo cáo bởi NHNN Việt Nam	3.6%	3.7%	2.9%	2.8%	2.6%

Nguồn: Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia (2016 & 2017)

được điều này, trước khi đa dạng hóa cho vay, NH cần phải phân tích thị trường để xác định thị trường cho vay mục tiêu cần tập trung mở rộng, đồng thời so sánh lợi thế cạnh tranh giữa NH mình so với các NH khác. Tuy nhiên, để thực hiện được điều này, ngoài việc cần phải có dữ liệu, NH cũng cần phải có các công cụ hỗ trợ để xử lý dữ liệu, thông tin.

Như vậy, để có thể đa dạng hóa danh mục cho vay hiệu quả, điều kiện thứ hai, đó là NH phải xây dựng và phát triển hạ tầng cơ sở bao gồm hệ thống cơ sở dữ liệu, hệ thống công nghệ thông tin để hỗ trợ cho toàn bộ quá trình xử lý và lưu trữ thông tin. Trong đó, với hệ thống cơ sở dữ liệu, chúng phải được bổ sung, cập nhật thường xuyên; với hệ thống công nghệ thông tin, chúng phải có khả năng hỗ trợ tốt cho các bộ phận liên quan đến việc đánh giá và giám sát người vay.

**4.3. Điều kiện về sự phát triển của quản trị rủi ro tín dụng**

Đối với mỗi loại người vay, ngành nghề khác nhau, đòi hỏi NH cần phải có phương pháp, công cụ để quản trị RRTD khác nhau. Sự phát triển về

quản trị RRTD không chỉ giúp cho các NH giảm thiểu được chi phí, thời gian trong việc đánh giá và giám sát người vay, chúng còn giúp cho NH gia tăng được hiệu quả và giảm thiểu được RRTD khi thực hiện chiến lược đa dạng hóa cho vay.

Như vậy, để có thể đa dạng hóa cho vay hiệu quả, điều kiện thứ ba, đó là NH phải phát triển về quản trị RRTD, đặc biệt là các công cụ có khả năng định lượng được RRTD không những đối với từng khoản vay/người vay mà cả danh mục cho vay. Các công cụ này, không những giúp NH có thể đưa ra các quyết định cho vay chính xác khi khởi tạo khoản vay, chúng còn hỗ trợ tốt cho NH trong suốt quá trình giám sát người vay.

**5. Kết luận**

NH nên áp dụng chiến lược tập trung hóa hay đa dạng hóa cho vay, sẽ tùy thuộc vào điều kiện nội lực của mỗi NH. Để có thể áp dụng chiến lược đa dạng hóa cho vay hiệu quả, đòi hỏi NH phải đáp ứng được các điều kiện về nguồn nhân lực, về hạ tầng cơ sở và sự phát triển về quản trị RRTD. Khi chưa đáp ứng được các điều kiện này, đa dạng hóa cho vay có thể gây tổn hại đối với NH ■

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Acharya, V.V., Hasan, I. and Saunders, A. (2006). "Should banks be diversified? Evidence from individual bank loan portfolios", *Journal of Business*, Vol. 79, No. 3, pp. 1355 - 1412.
2. Akerlof, G.A. (1970). "The market for "Lemons": Quality uncertainty and the Market Mechanism", *Quarterly Journal of Economics*, Vol. 84, No. 3, pp. 488 - 500.
3. Cerasi, V. and Dalung, S. (2000). "The optimal size of a bank: Costs and benefits of diversification", *European Economic Review* 44, pp. 1701 - 1726.
4. Diamond, D.W. 1984. "Financial intermediation and delegated monitoring". *Review of Economic Studies*, Vol. 51, No. 3, pp. 393 - 414.
5. Iscoe, I., Kreinin, A., Mausser, H. and Romanko, O. (2012). "Portfolio credit-risk optimization". *Journal of Banking & Finance* 36, pp. 1604 - 1615.
6. Leland, H.E. and Pyle, D.H. (1977). "Informational asymmetries, financial structure, and financial intermediation", *Journal of Finance*, Vol. 32, No. 2, pp. 371 - 387.

7. Markowitz, H. (1952), "Portfolio Selection", *Journal of Finance*, Vol. 7, No. 1, pp. 77 - 91.
8. Mercieca, S., Schaeck, K. and Wolfe, S. (2007), "Small European banks: Benefits from diversification?", *Journal of Banking & Finance* 31, pp. 1975 - 1998.
9. Rossi, S.P.S., Schwaiger, M.S. and Winkler, G. (2009), "How loan portfolio diversification affects risk, efficiency and capitalization: A managerial behavior model for Austrian banks", *Journal of Banking & Finance* 33, pp. 2218 - 2226.
10. Stiglitz, J.E. and Weiss, A. (1981), "Credit rationing in markets with imperfect information", *American Economic Review*, Vol. 71, No. 3, pp. 393 - 410.
11. Tabak, B.M., Fazio, D.M. and Cajueiro, D.O. (2011), "The effects of loan portfolio concentration on Brazilian banks' return and risk", *Journal of Banking & Finance* 35, pp. 3065 - 3076.
12. Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, Báo cáo tổng quan thị trường tài chính 2016 & 2017.

Ngày nhận bài: 6/4/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 16/4/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 26/4/2019

Thông tin tác giả:

ThS. TRẦN CHÍ CHINH

Khoa Ngân hàng, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

**BANKS SHOULD CONCENTRATE  
OR DIVERSIFY THEIR LOAN PORTFOLIOS:  
EXPERIENCE FROM COUNTRIES AROUND THE WORLD  
AND LESSONS FOR VIETNAM**

● MA. TRAN CHI CHINH

Faculty of Banking, Banking University of Hochiminh city

**ABSTRACT:**

This study is to review theories and practices of centralizing and diversifying the loan portfolio of banks from countries around the world in order to draw lessons about conditions of centralizing and diversifying the loan portfolio for Vietnamese banks. The synthetic method, descriptive statistical method and expert method were used to do this study.

**Keywords:** Loan portfolio concentration, loan portfolio diversification, loan portfolios.